

CHÍNH PHỦ
Số: 49/2009/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 21 tháng 5 năm 2009

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động chuyển giao công nghệ

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Nghị định này quy định về hành vi vi phạm, hình thức xử phạt, mức phạt, biện pháp khắc phục hậu quả và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động chuyển giao công nghệ.
- Vi phạm hành chính trong hoạt động chuyển giao công nghệ quy định tại Chương II của Nghị định này là những hành vi cố ý hoặc vô ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân) vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý nhà nước trong hoạt động chuyển giao công nghệ mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính.
- Những hành vi vi phạm hành chính liên quan đến hoạt động chuyển giao công nghệ không quy định tại Nghị định này thì áp dụng theo quy định khác của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Tổ chức, cá nhân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động chuyển giao công nghệ trên lãnh thổ Việt Nam thì bị xử phạt theo các quy định tại Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
- Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức khi thực hiện công vụ liên quan đến chuyển giao công nghệ mà có hành vi vi phạm pháp luật về chuyển giao công nghệ thì bị xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

Điều 3. Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả trong hoạt động chuyển giao công nghệ

1. Đối với mỗi vi phạm hành chính trong hoạt động chuyển giao công nghệ, tổ chức, cá nhân phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

a. Cảnh cáo;

b. Phạt tiền;

c. Trục xuất đối với người nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động chuyển giao công nghệ làm tổn hại đến lợi ích quốc phòng, an ninh quốc gia.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính trong hoạt động chuyển giao công nghệ còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a. Tước quyền sử dụng Giấy phép chuyển giao công nghệ; Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ;

b. Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính trong hoạt động chuyển giao công nghệ.

3. Ngoài hình thức xử phạt chính, xử phạt bổ sung nêu trên, tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính trong hoạt động chuyển giao công nghệ còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a. Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh do hành vi vi phạm gây ra;

b. Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tái xuất sản phẩm, thiết bị, công nghệ liên quan đến hành vi vi phạm;

c. Buộc tiêu hủy sản phẩm được sản xuất ra từ công nghệ được chuyển giao gây hại đối với sức khỏe con người, môi trường, gây hậu quả xấu đến văn hóa;

d. Các biện pháp khắc phục hậu quả khác được quy định tại Chương II của Nghị định này.

Điều 4. Thời hiệu xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam hoặc từ Việt Nam ra nước ngoài là 2 năm, kể từ ngày hành vi vi phạm được thực hiện.

2. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động chuyển giao công nghệ trong nước là 1 năm, kể từ ngày hành vi vi phạm được thực hiện.

Chương II

HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ MỨC PHẠT

Điều 5. Hành vi lợi dụng hoạt động chuyển giao công nghệ làm tổn hại đến lợi ích quốc phòng, an ninh, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi lợi dụng hoạt động chuyển giao công nghệ xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi lợi dụng hoạt động chuyển giao công nghệ làm tổn hại lợi ích quốc phòng, an ninh quốc gia.

3. Trục xuất đối với người nước ngoài có hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a. Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện chuyển giao công nghệ đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;

b. Tước quyền sử dụng không thời hạn Giấy phép chuyển giao công nghệ (nếu có) đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tái xuất đối với sản phẩm nhập khẩu hoặc tiêu hủy các sản phẩm được tạo ra từ công nghệ được chuyển giao đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 6. Hành vi chuyển giao công nghệ gây hậu quả xấu đến sức khỏe con người, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a. Chuyển giao các công nghệ để sản xuất ra các sản phẩm trái đạo đức, không phù hợp với bản sắc, thuần phong mỹ tục của dân tộc;

b. Chuyển giao các công nghệ gây hậu quả xấu đến sức khỏe con người;

c. Chuyển giao các công nghệ để sản xuất các sản phẩm mà pháp luật Việt Nam cấm sản xuất.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện chuyển giao công nghệ đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a. Buộc tiêu hủy các sản phẩm được tạo ra từ công nghệ được chuyển giao quy định tại khoản 1 Điều này.

b. Buộc khắc phục những hậu quả xấu về sức khỏe đối với những người bị ảnh hưởng do hành vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này gây ra.

Điều 7. Hành vi chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ cấm chuyển giao, chuyển giao trái phép công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao nhưng không có Giấy phép chuyển giao công nghệ.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ cấm chuyển giao.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện liên quan để thực hiện hành vi chuyển giao công nghệ vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tiêu hủy các sản phẩm được tạo ra từ công nghệ được chuyển giao hoặc buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tái xuất đối với sản phẩm liên quan đến công nghệ được chuyển giao từ nước ngoài vào Việt Nam (nếu có) vi phạm các quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 8. Hành vi vi phạm quyền chuyển giao công nghệ về sở hữu và sử dụng công nghệ

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- a. Chuyển giao công nghệ cho bên thứ ba mà trong hợp đồng chuyển giao công nghệ quy định không được chuyển giao cho bên thứ ba;
- b. Chuyển giao công nghệ mà công nghệ đó là đối tượng được bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp nhưng không thực hiện việc chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- a. Chuyển giao công nghệ không thuộc quyền sở hữu của mình;
- b. Chuyển giao công nghệ mà công nghệ đó không thuộc quyền được chuyển giao quyền sử dụng.

Điều 9. Hành vi vi phạm trong việc lập và thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ, hợp đồng dịch vụ chuyển giao công nghệ

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- a. Ký hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao trước khi có văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
- b. Không tách nội dung và chi phí chuyển giao công nghệ thành một phần riêng trong dự án đầu tư có nội dung chuyển giao công nghệ;
- c. Không tách nội dung và chi phí chuyển giao công nghệ thành một phần riêng trong hợp đồng nhượng quyền thương mại hoặc trong hợp đồng mua bán máy móc, thiết bị có nội dung chuyển giao công nghệ.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- a. Gian lận, lừa dối trong việc lập hợp đồng chuyển giao công nghệ để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc được cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ;
- b. Tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ mà hợp đồng đó đã có quyết định đình chỉ hoặc hủy bỏ hợp đồng của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
- c. Thực hiện những nội dung không đúng hoặc ngoài phạm vi Giấy phép chuyển giao công nghệ đã được cấp.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

- a. Tước quyền sử dụng không thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc Giấy phép chuyển giao công nghệ đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.